

TTĐT(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 732/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
Phê duyệt Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2026 - 2030

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: S
	Ngày: 29/4/2026

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm ngày 17 tháng 3 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế tại Tờ trình số 536/TTr-BYT ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Tờ trình số 653/TTr-BYT ngày 17 tháng 4 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình), gồm những nội dung sau:

**I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Lấy phòng ngừa làm trọng tâm; gắn công tác phòng, chống mại dâm với thực hiện chính sách chăm sóc sức khỏe, việc làm, giảm nghèo, bình đẳng giới và phát triển kinh tế - xã hội để giảm tệ nạn mại dâm và các tác động tiêu cực của tệ nạn mại dâm đến đời sống xã hội; quản lý hiệu quả địa bàn và môi trường mạng, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật; góp phần giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội.

**2. Mục tiêu cụ thể**

a) Tập trung rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách; tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, bảo đảm công tác phòng, chống mại dâm được triển khai thống nhất, đồng bộ, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và hệ thống pháp luật.

b) Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và phòng ngừa xã hội; chú trọng phát huy vai trò của cộng đồng, tập trung vào các địa bàn, nhóm đối tượng có nguy cơ cao.

c) Phát triển mạng lưới dịch vụ can thiệp giảm hại và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng đối với người bán dâm; tăng cường phòng, chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục, nâng cao sức khỏe tâm thần và giáo dục đồng đẳng.

d) Tăng cường quản lý địa bàn, môi trường mạng; nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật; không để hình thành hoặc tái hình thành các tụ điểm, địa bàn phức tạp về mại dâm.

đ) Nâng cao năng lực đội ngũ thực thi; kiện toàn cơ chế phối hợp liên ngành; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong thống kê, theo dõi, quản lý, giám sát và đánh giá việc thực hiện Chương trình.

### 3. Chỉ tiêu

#### a) Hằng năm:

- 100% cơ quan trung ương liên quan và tỉnh, thành phố xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Chương trình.

- 90% xã, phường, đặc khu tổ chức hoạt động truyền thông, tuyên truyền về phòng, chống mại dâm phù hợp với đặc thù địa bàn, nhóm đối tượng và được duy trì thường xuyên.

- Ít nhất 70% người bán dâm có nhu cầu và đủ điều kiện được tiếp cận các biện pháp can thiệp giảm hại và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng.

- 100% tin tố giác, tin báo, khiếu nại về hành vi vi phạm pháp luật trong phòng, chống mại dâm được tiếp nhận, xác minh, phân loại, xử lý kịp thời.

#### b) Đến năm 2030:

- 100% tỉnh, thành phố ban hành các văn bản theo thẩm quyền để bảo đảm triển khai, thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống mại dâm, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

- 95% số cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm được rà soát, phân loại, đưa vào diện quản lý được kiểm tra ít nhất một lần.

- 80% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm cấp tỉnh và 60% đội ngũ cấp xã được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp.

## II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

### 1. Hoàn thiện thể chế, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

#### 1.1. Hoàn thiện thể chế

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện pháp luật về phòng, chống mại dâm nhằm bảo đảm thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và tính khả thi trong tổ chức thực hiện, phù hợp với phân công quản lý và mô hình tổ chức bộ máy hiện hành.

b) Hoàn thiện chính sách, hướng dẫn chuyên môn trong việc tổ chức, triển khai thực hiện công tác phòng, chống mại dâm ở địa phương.

c) Rà soát, xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý vi phạm, can thiệp giảm hại và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hòa nhập cộng đồng.

## 1.2. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện

a) Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đảng, sự quản lý thống nhất của chính quyền hai cấp trong lĩnh vực phòng, chống mại dâm; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình vào nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn; phân công rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong tổ chức thực hiện; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả.

b) Tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch, bố trí ngân sách, ưu tiên triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về hoàn thiện thể chế; phòng ngừa xã hội, kiểm soát môi trường mạng; phát triển dịch vụ y tế - xã hội và chuyển đổi số trong phòng, chống mại dâm.

## 2. Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và phòng ngừa xã hội về phòng, chống mại dâm

### 2.1. Công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục

a) Thường xuyên tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mại dâm phù hợp với từng đối tượng, địa bàn. Ưu tiên cho các đối tượng tại khu du lịch; khu công nghiệp, khu chế xuất, ... nơi tập trung đông lao động di cư, thanh niên, sinh viên, các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm.

b) Đa dạng hóa phương thức, đổi mới mạnh mẽ nội dung truyền thông, tăng cường kết hợp giữa truyền thông trực tiếp với truyền thông gián tiếp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và truyền thông số; tập trung giáo dục lối sống lành mạnh, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục; nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống mại dâm, bình đẳng giới, ảnh hưởng tiêu cực của mại dâm đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

c) Tăng cường phối hợp giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng trong phòng, chống mại dâm thông qua việc phổ biến tài liệu, tổ chức hoạt động ngoại khóa cho học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên; bồi dưỡng kiến thức về phòng, chống mại dâm cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong truyền thông và tư vấn; xây dựng, cung cấp tài liệu, dữ liệu, hình ảnh, video, ấn phẩm truyền thông; phát triển các công cụ truyền thông số, ứng dụng di động để phổ biến kiến thức, hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ, phản ánh vi phạm.

## 2.2. Công tác phòng ngừa xã hội

a) Lồng ghép công tác phòng, chống mại dâm với các chương trình, đề án liên quan như bình đẳng giới, phòng, chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục, an sinh xã hội và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác; chú trọng các giải pháp hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững cho phụ nữ, thanh niên, người lao động di cư, người có hoàn cảnh khó khăn và nhóm có nguy cơ cao.

b) Xây dựng và phát triển môi trường sống, môi trường lao động, môi trường văn hóa an toàn, lành mạnh tại cộng đồng dân cư, khu nhà trọ, khu công nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ; tăng cường quản lý xã hội, phát hiện sớm dấu hiệu lợi dụng, dụ dỗ, lôi kéo tham gia hoạt động mại dâm.

## 3. Phát triển mạng lưới hỗ trợ can thiệp giảm hại và hòa nhập cộng đồng đối với người bán dâm

### 3.1. Nâng cao năng lực, phát triển mạng lưới hỗ trợ

a) Phát triển mạng lưới dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, đối tượng và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Nâng cao năng lực các cơ sở y tế, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm dịch vụ việc làm trong việc tham gia cung cấp dịch vụ hỗ trợ can thiệp giảm hại và hòa nhập cộng đồng đối với người bán dâm; phát triển các điểm tư vấn, hỗ trợ tại cộng đồng theo hướng dễ tiếp cận, an toàn, bảo mật, không kỳ thị.

c) Huy động mạng lưới cộng tác viên công tác xã hội, nhóm đồng đẳng, nhóm tự lực tham gia tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ can thiệp giảm hại và hòa nhập cộng đồng đối với người bán dâm và nhóm có nguy cơ cao.

### 3.2. Tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ

a) Triển khai hoạt động tiếp cận cộng đồng, cung cấp thông tin, sàng lọc nhu cầu và quản lý trường hợp đối với người bán dâm và nhóm nguy cơ cao; tư vấn, hỗ trợ và chuyển gửi kịp thời đến các dịch vụ phù hợp, bảo đảm đối tượng có nhu cầu được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ bình đẳng và thuận lợi.

b) Tổ chức thực hiện đa dạng, đồng bộ các hoạt động can thiệp giảm hại về các bệnh lây truyền qua đường tình dục, phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới, tư vấn tâm lý, trợ giúp pháp lý, tư vấn đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, hỗ trợ vay vốn, phát triển sinh kế và các hình thức trợ giúp cần thiết khác nhằm hỗ trợ người bán dâm hòa nhập cộng đồng.

c) Thực hiện các kênh hỗ trợ linh hoạt như tư vấn trực tuyến, đường dây nóng, tư vấn lưu động; ưu tiên phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng, tăng cường trao quyền và phát huy vai trò của các nhóm đồng đẳng, nhóm tự lực trong truyền thông, tiếp cận, hỗ trợ, giám sát và duy trì kết quả can thiệp; bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin cá nhân.

d) Lồng ghép hoạt động hỗ trợ can thiệp giảm hại, hòa nhập cộng đồng đối với người bán dâm trong các chương trình an sinh xã hội, giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bình đẳng giới và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác tại địa phương.

đ) Củng cố, nhân rộng các mô hình, sáng kiến hiệu quả trong hỗ trợ can thiệp giảm hại và hòa nhập cộng đồng đối với người bán dâm và nhóm có nguy cơ cao phù hợp với điều kiện, đặc điểm địa bàn, cơ chế đặc thù và nguồn lực của địa phương.

### 3.3. Tăng cường hiệu quả phối hợp liên ngành

a) Tăng cường phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc chia sẻ thông tin, chuyển gửi, theo dõi và cung cấp dịch vụ về y tế, giáo dục nghề nghiệp, việc làm, tư vấn tâm lý, trợ giúp pháp lý đối với người bán dâm và các đối tượng nguy cơ cao.

b) Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong việc mở rộng độ bao phủ và đa dạng hóa loại hình dịch vụ hỗ trợ trong phòng, chống mại dâm.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý địa bàn; đấu tranh, triệt phá và xử lý các vi phạm trong phòng, chống mại dâm

#### 4.1. Công tác kiểm tra, quản lý địa bàn có nguy cơ phát sinh mại dâm

a) Chủ động nắm tình hình, quản lý chặt chẽ, thường xuyên rà soát, phân loại, xác định các tuyến, khu vực, địa bàn, lĩnh vực có nguy cơ cao hoặc diễn biến phức tạp về tệ nạn mại dâm, nhất là khu vực đô thị, du lịch, biên giới, giáp ranh, khu công nghiệp, khu chế xuất và trên không gian mạng.

b) Đẩy mạnh quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm; tăng cường kiểm tra định kỳ, đột xuất; bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành và chính quyền địa phương trong việc phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm.

c) Kiểm soát chặt chẽ thông tin quảng cáo, giới thiệu dịch vụ hoạt động mại dâm trá hình trên nền tảng trực tuyến.

#### 4.2. Công tác đấu tranh, triệt phá

a) Thực hiện phối hợp liên ngành trong tiếp nhận, xử lý thông tin, tố giác, tin báo và phản ánh của tổ chức, cá nhân, bảo đảm mọi thông tin liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm được tiếp nhận, xác minh, phân loại và xử lý kịp thời.

b) Chủ động phát hiện, triệt xóa các tụ điểm, đường dây, ổ nhóm, tổ chức môi giới, chứa chấp mại dâm và các phương thức, thủ đoạn hoạt động mới, tinh vi, nhất là hoạt động trên môi trường mạng, hoạt động có tổ chức, liên tỉnh, xuyên biên giới hoặc có yếu tố nước ngoài.

c) Thực hiện hợp tác quốc tế; phối hợp chặt chẽ với các nước trong khu vực và quốc tế trong việc trao đổi thông tin, điều tra, xử lý tội phạm; tham gia chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực về phòng, chống mại dâm.

#### 4.3. Xử lý và phòng ngừa tái phạm

a) Nâng cao hiệu quả công tác tổ chức điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về mại dâm bảo đảm nghiêm minh, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống mại dâm.

b) Thực hiện các biện pháp quản lý, phòng ngừa tái phạm sau xử lý; tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân liên quan; kịp thời xử lý các tụ điểm, địa bàn phức tạp.

### 5. Nâng cao năng lực; nghiên cứu; giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết Chương trình

#### 5.1. Nâng cao năng lực đội ngũ thực hiện công tác phòng, chống mại dâm

a) Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ làm công tác phòng, chống mại dâm các cấp; người trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ hỗ trợ người bán dâm hòa nhập cộng đồng; mạng lưới báo cáo viên, tuyên truyền viên, tình nguyện viên, cộng tác viên các cấp về công tác phòng, chống mại dâm.

b) Xây dựng tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, tập huấn, truyền thông về phòng, chống mại dâm.

#### 5.2. Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác phòng, chống mại dâm

a) Đẩy mạnh nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình tệ nạn mại dâm, đặc điểm người bán dâm, mức độ bao phủ và hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ, các mô hình sinh kế, đào tạo nghề trong việc xây dựng, hoàn thiện chính sách về phòng, chống mại dâm.

b) Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong theo dõi, phân tích và dự báo tình hình mại dâm theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các quy định liên quan; xây dựng các công cụ số để ứng dụng trong công tác phòng, chống mại dâm.

### 5.3. Thực hiện giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết Chương trình

a) Giám sát, đánh giá theo định kỳ, đột xuất và thực hiện chế độ báo cáo triển khai Chương trình theo quy định.

b) Tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình; biểu dương, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác phòng, chống mại dâm theo quy định.

## III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các bộ ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước; trong các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan trong lĩnh vực y tế, bình đẳng giới, phòng, chống HIV/AIDS, giảm nghèo, an sinh xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội khác; và các nguồn huy động hợp pháp khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Bộ Y tế:

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn việc thực hiện Chương trình; chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo, đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 536/TTr-BYT ngày 31 tháng 3 năm 2026, Tờ trình số 653/TTr-BYT ngày 17 tháng 4 năm 2026.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm.

c) Chủ trì thiết kế, xây dựng các tài liệu, công cụ truyền thông về phòng, chống mại dâm; tổ chức đào tạo, tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống mại dâm các cấp, các ngành, các tổ chức có liên quan.

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan kiện toàn Tổ công tác liên ngành phòng, chống mại dâm Trung ương. Xây dựng kế hoạch và phối hợp với các bộ, ngành có liên quan chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống mại dâm theo các nội dung của Chương trình.

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai các giải pháp phòng ngừa mại dâm và phát triển mạng lưới hỗ trợ can thiệp giảm hại, hòa nhập cộng đồng đối với người bán dâm.

e) Xây dựng, hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Bộ Công an chủ trì, chỉ đạo triển khai các biện pháp đấu tranh, triệt phá các tụ điểm, đường dây, tổ chức môi giới, chứa chấp, bảo kê mại dâm; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý an ninh trật tự đối với các cơ sở kinh doanh dễ phát sinh tệ nạn mại dâm.

3. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và địa phương tổ chức tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tại khu vực biên giới, trên biển, hải đảo và cửa khẩu tham gia các hoạt động phòng, chống mại dâm theo quy định của pháp luật; chỉ đạo các lực lượng chức năng tăng cường thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm.

4. Bộ Tư pháp chỉ đạo, hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống mại dâm; phối hợp hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về phòng, chống mại dâm; giám sát việc thi hành pháp luật liên quan đến lĩnh vực phòng, chống mại dâm.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, xuất bản, hệ thống thông tin cơ sở và các thiết chế văn hóa tăng cường công tác thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng, góp phần phòng ngừa tệ nạn mại dâm; tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch, vui chơi giải trí và các loại hình dịch vụ có nguy cơ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm.

6. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế trong việc lồng ghép các hoạt động hỗ trợ xã hội, tạo việc làm để người bán dâm và nhóm nguy cơ cao chuyển đổi công việc, thay đổi hành vi trong quá trình triển khai Chương trình.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng cường hoạt động truyền thông, tuyên truyền về phòng, chống mại dâm; lồng ghép hoạt động tư vấn hướng nghiệp, đào tạo nghề để người bán dâm và nhóm nguy cơ cao chuyển đổi công việc, thay đổi hành vi trong quá trình triển khai Chương trình.

8. Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí trong dự toán chi thường xuyên của các bộ, cơ quan trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

9. Các bộ, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Chương trình này.

10. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

a) Xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình này phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của địa phương; lồng ghép nhiệm vụ phòng, chống mại dâm trong việc thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án khác có liên quan ở địa phương;

b) Xây dựng, phát triển mạng lưới hỗ trợ can thiệp giảm hại và hòa nhập cộng đồng đối với người bán dâm; duy trì, củng cố và nhân rộng các mô hình hiệu quả trong phòng, chống mại dâm;

b) Tăng cường quản lý địa bàn, các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm; phòng ngừa, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm;

c) Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và phòng ngừa xã hội về phòng, chống mại dâm phù hợp với từng địa bàn và đặc điểm của từng nhóm đối tượng;

d) Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch triển khai Chương trình; biểu dương, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác phòng, chống mại dâm tại địa phương theo quy định.

11. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo, hướng dẫn Viện Kiểm sát các cấp nâng cao năng lực đội ngũ kiểm sát viên trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ việc, vụ án liên quan đến mại dâm theo quy định của pháp luật.

12. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo, hướng dẫn Tòa án các cấp nâng cao năng lực đội ngũ thẩm phán trong công tác xét xử các vụ án liên quan đến mại dâm, bảo đảm nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật.

13. Đề nghị Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên đưa nội dung tuyên truyền phòng, chống mại dâm vào các chương trình thông tin, truyền thông.

14. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức thành viên, hội viên, đoàn viên trong hệ thống tổ chức của mình tham gia tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, trách nhiệm về phòng, chống mại dâm; thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống mại dâm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./x

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX.vt.<sub>70</sub>



**Phạm Thị Thanh Trà**